

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;*

*Căn cứ Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của
Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2.

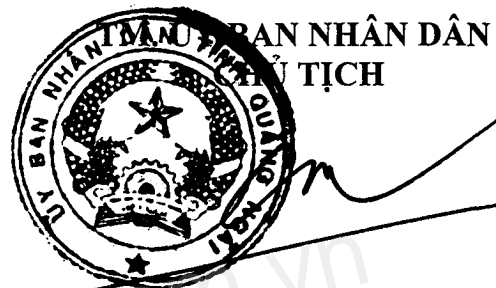
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 01 năm 2017.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ủy quyền thẩm tra thiết kế một số công trình cấp III, cấp IV và Công văn số 2194/UBND-CNXD ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các hội, đoàn thể;
- VP Tỉnh ủy và các Ban đảng Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh và VP HĐND tỉnh;
- Đài PTHT tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: C, PCVP, các phòng N/c, CB;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.644



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

**Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01
năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nhiệm vụ về kế hoạch vốn đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế và dự toán xây dựng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu; bồi thường, giải phóng mặt bằng; quản lý tiến độ và chất lượng công trình; thanh toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành; xử lý vi phạm trong quản lý dự án đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Việc quản lý dự án đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Mục 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 3. Kế hoạch vốn đầu tư hàng năm

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm ở cấp tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm ở cấp huyện, thành phố.

2. Căn cứ các quy hoạch được phê duyệt, kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt, cơ quan tham mưu có trách nhiệm dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư hàng năm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm và các quy định hiện hành của địa phương về bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm.

Điều 4. Điều kiện và nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Các dự án được ghi kế hoạch vốn đầu tư phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công:

a) Hoàn trả các khoản ngân sách tạm ứng, vay nợ, đã ứng trước dự toán năm sau;

b) Theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố xem xét khả năng thực hiện dự án của các chủ đầu tư để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định tại Khoản 6 Điều 75 Luật Đầu tư công.

Điều 5. Quyết định chủ trương đầu tư

1. Các dự án đầu tư công phải lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các quy định của UBND tỉnh (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này), cụ thể:

a) Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: Theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 17 Luật Đầu tư công.

b) Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư: Theo quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư công.

c) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C: Theo quy định tại Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Đầu tư công; Khoản 3, Khoản 4 Điều 12, Khoản 4 Điều 13, Khoản 2 Điều 14, Điều 15, Điểm b Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các quy định của UBND tỉnh (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này).

d) Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C: Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư công.

đ) Hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

e) Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, các dự án thuộc chương trình đầu tư công đã được quyết định chủ trương đầu tư thì không phải lập chủ trương đầu tư.

Mục 2

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Điều 6. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thiết kế, dự toán dự án

Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thiết kế, dự toán dự án không có cấu phần xây dựng và dự án chủ yếu là mua sắm hàng hoá, cung cấp dịch vụ có tỷ trọng chi phí phần xây dựng nhỏ hơn 15% tổng mức đầu tư dự án được thực hiện theo quy định Điều 30, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Dự án do cấp tỉnh quản lý

a) Đối với dự án nhóm A: Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định (do một Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định), Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Đối với dự án nhóm B, C: giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Dự án do cấp huyện quản lý

Chủ tịch UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cấp huyện hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

3. Dự án do cấp xã quản lý

Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cấp huyện thẩm định dự án, gửi Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án

1. Đối với dự án nhóm A nhóm B, nhóm C do UBND tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt.

2. Đối với dự án do UBND cấp huyện quản lý: cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

3. Đối với dự án do UBND cấp xã quản lý: cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định, gửi Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.

Mục 3

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Điều 9. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công, chủ đầu tư tiến hành việc lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế và dự toán chuẩn bị đầu tư; làm cơ sở tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực theo quy định để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. Đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự án được chủ đầu tư lựa chọn có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước đúng quy định, giao nộp hồ sơ kịp thời theo hợp đồng kinh tế đã ký kết với chủ đầu tư.

3. Đối với dự án có bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thì trong thành phần hồ sơ dự án phải có phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư tổng thể được Chủ đầu tư xác nhận.

4. Công trình sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:

a) Việc sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp cơ sở vật chất sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành và quy định của UBND tỉnh.

b) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 Luật Xây dựng.

2. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, ...), Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho đơn vị cấp dưới quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm C (trừ các dự án trọng điểm nhóm C) đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi;

b) Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm C (trừ các dự án trọng điểm nhóm C) đầu tư trên địa bàn hành chính thành phố Quảng Ngãi;

c) Chủ tịch UBND các huyện quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư trên địa bàn hành chính huyện;

d) Thủ trưởng đơn vị đầu mối được giao kế hoạch vốn quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.

đ) Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương quyết định đầu tư các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh làm chủ đầu tư do mình chủ trì thẩm định trừ các dự án đã quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản này.

3. Người được ủy quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm quyết định đầu tư dự án phù hợp với Quyết định chủ trương đầu tư và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của mình.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương) chủ trì thẩm định các nội dung của dự án nhóm B, nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định đầu tư và các dự án quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này.

b) Các dự án nhóm C (trừ các dự án trọng điểm nhóm C) đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi: thiết kế cơ sở do các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định, ủy quyền cho Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án.

c) Các dự án nhóm C (trừ các dự án trọng điểm nhóm C) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND xã, phường thuộc địa bàn hành chính thành phố Quảng Ngãi quyết định đầu tư: Thiết kế cơ sở do các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định, ủy quyền cho Phòng Quản lý đô thị chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án.

d) Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Thiết kế cơ sở do các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định, ủy quyền cho phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn (huyện Lý Sơn)) chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án.

đ) Phân thiết kế công nghệ (nếu có), cơ quan chủ trì thẩm định gửi hồ sơ thiết kế cơ sở phân công nghệ đến các Sở chuyên ngành (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền Thông) để thẩm định.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và các dự án quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

a) Các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (hoặc ủy quyền quyết định đầu tư) và các dự án do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, việc thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Các dự án quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm a Khoản này: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ); Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự án.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh làm chủ đầu tư: Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định;

Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn (huyện Lý Sơn), Phòng Quản lý đô thị) chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

Phần thiết kế công nghệ (nếu có), cơ quan chủ trì thẩm định gửi hồ sơ thiết kế công nghệ đến các Sở chuyên ngành để thẩm định.

b) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (hoặc ủy quyền quyết định đầu tư) và các dự án do Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này;

Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng còn lại, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt.

Điều 12. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở

Việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hoặc Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND các huyện tham mưu điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng.

Điều 13. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước hoặc lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) của công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các công trình quy định tại Điểm b, Điểm c khoản này;

b) Đối với các dự án do Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quyết định đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng;

c) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi quyết định đầu tư: Phòng Quản lý đô thị chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng;

d) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

đ) Thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) do các Sở chuyên ngành thẩm định.

2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và các dự án quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

Thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình từ cấp III trở lên (trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng), thẩm quyền thẩm định thực hiện theo Khoản 1 Điều 13 Quy định này.

2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 15. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình được thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 16. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện đầu tư dự án chỉ được phê duyệt khi dự án được bố trí vốn thực hiện đầu tư.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

c) Người được ủy quyền quyết định đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này sử dụng bộ phận tham mưu của mình để tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi phê duyệt.

Điều 17. Tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải đảm bảo có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng thoả thuận.

2. Chủ đầu tư, chính quyền địa phương, đơn vị thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và tổ chức

bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án theo đúng quy định của pháp luật và Quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng của tỉnh.

3. Trong thời gian xây dựng công trình, Chủ đầu tư có trách nhiệm theo dõi và kịp thời báo cáo các trường hợp xây dựng trái phép trên phần đất thực hiện dự án đã tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng cho chính quyền địa phương. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xử lý theo quy định.

Điều 18. Quản lý tiến độ và chất lượng công trình xây dựng

1. Việc quản lý tiến độ công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng theo quy định hiện hành và quy định của tỉnh.

Trường hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án thì nhà thầu xây dựng được xét thưởng theo hợp đồng. Trường hợp kéo dài tiến độ xây dựng gây thiệt hại thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng.

2. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng theo quy định hiện hành và quy định của tỉnh.

Điều 19. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư xây dựng

1. Tạm ứng vốn đầu tư xây dựng

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định. Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng theo quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước.

b) Việc tạm ứng cho khối lượng xây dựng khi nhà thầu có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng phải theo quy định hiện hành, đã hoàn thành xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc ít nhất phải đủ diện tích xây dựng của công trình, hạng mục công trình.

c) Tạm ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng.

d) Thu hồi vốn tạm ứng: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng

a) Việc thanh toán vốn đầu tư xây dựng địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng theo quy định hiện hành và quy định của tỉnh.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai và đôn đốc việc thi công đúng tiến độ theo hợp đồng được ký kết và tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn hoàn thành, đồng thời gửi hồ sơ đến cơ quan kiểm soát, thanh

toán vốn để thanh toán kịp thời, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn được giao hàng năm.

Điều 20. Quyết toán dự án (công trình) hoàn thành

1. Đối tượng thuộc diện phải thực hiện quyết toán:

a) Dự án (công trình) đầu tư sử dụng vốn nhà nước, sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn;

b) Hạng mục công trình hoặc từng gói thầu độc lập sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng thuộc những dự án có nhiều hạng mục công trình và có thời gian thi công từ 03 năm trở lên.

2. Hồ sơ trình duyệt quyết toán: Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Thời hạn quyết toán: Theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

4. Thẩm quyền phê duyệt và cơ quan thẩm tra quyết toán:

a) Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt quyết toán đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư. Cơ quan thẩm tra quyết toán là đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người quyết định đầu tư; trường hợp cơ quan thẩm tra không đủ năng lực thì Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

a.1) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, lập báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành;

a.2) Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với những dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư; cơ quan thẩm tra là Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

c) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với những dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư; cơ quan thẩm tra là Sở Tài chính. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền:

c.1) Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với những dự án được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư;

c.2) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương quyết định đầu tư và các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.

5. Việc thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành:

a) Dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

b) Dự án nhóm C thực hiện kiểm toán quyết toán khi có yêu cầu của cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

6. Trách nhiệm của chủ đầu tư và đơn vị đầu mối được giao kế hoạch vốn hàng năm (Sở, Ban ngành và UBND các huyện, thành phố):

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc đối tượng nêu trên, đầy đủ các nội dung và đảm bảo thời gian quy định của Bộ Tài chính về công tác quyết toán; trình duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý tài liệu trong hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

b) Đơn vị đầu mối được giao kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm (Sở, Ban ngành và UBND các huyện, thành phố) có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi và tổ chức thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình; định kỳ 6 tháng và kết thúc năm tổng hợp báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị mình gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp theo dõi và báo cáo cấp thẩm quyền (Biểu mẫu và thời gian báo cáo giao Sở Tài chính hướng dẫn); chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về sự chậm trễ trong công tác quyết toán dự án hoàn thành (nếu có) của đơn vị mình.

Điều 21. Trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với chủ đầu tư

1. Giải ngân không hết vốn của kế hoạch vốn năm được giao hoặc để nợ đọng trong xây dựng công trình mà lỗi thuộc về chủ đầu tư; không thực hiện nghiêm túc việc thanh toán hoặc thu hồi các khoản đã tạm ứng quá thời hạn; vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; triển khai thực hiện dự án khi chưa đảm bảo điều kiện về mặt bằng xây dựng thì tùy theo mức độ mà UBND tỉnh sẽ xem xét, xử lý.

2. Chịu trách nhiệm bồi thường phần giá trị lãng phí, thất thoát do lỗi của mình gây nên.

3. Đối với cán bộ quản lý dự án trực tiếp, nếu có dự án tồn đọng chưa quyết toán vượt quá thời gian quy định mà không phải do nguyên nhân khách quan, thì phải kiểm điểm, đồng thời không được phân công quản lý dự án mới cho đến khi hoàn thành việc quyết toán dự án hoàn thành.

4. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thực hiện chế độ báo cáo chậm trễ (hoặc báo cáo kém chất lượng), không cung cấp kịp thời thông tin các vi phạm liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng do đơn vị mình làm chủ đầu tư, để đăng tải trên Báo Đấu thầu, Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn xây dựng công trình và tổ chức làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Đối với nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn xây dựng công trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối với tổ chức làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm trễ bàn giao mặt bằng cho chủ dự án theo hợp đồng đã được ký kết, ngoài phạt vi phạm theo hợp đồng, phải thông báo cho cơ quan chủ quản biết để nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của người đứng đầu và có hình thức xử lý theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư và xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại dự án, các công việc tiếp theo được thực hiện theo Quy định này và các văn bản qui phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Các dự án đầu tư và xây dựng chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Quy định này và các văn bản qui phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 24. Công tác báo cáo, trực báo

1. Các Sở, Ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Kho bạc Nhà nước tỉnh và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm gửi UBND tỉnh; đồng thời gửi cho các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các chủ đầu tư thực hiện báo cáo đầy đủ và kịp thời các nội dung quy định phải báo cáo về quản lý dự án đầu tư và xây dựng. Khi phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư phải gửi văn bản phê duyệt cho UBND tỉnh, cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn có liên quan để tổng hợp báo cáo; đồng thời phải công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Thực hiện chế độ giao ban về quản lý đầu tư và xây dựng định kỳ do UBND tỉnh chủ trì; ngoài ra tùy tình hình thực tế việc triển khai các dự án đầu tư do tỉnh quản lý, UBND tỉnh còn tổ chức họp giao ban đột xuất. UBND các huyện, thành phố, sở, ngành tổ chức họp giao ban đối với những công trình do đơn vị mình quản lý.

3. Các đơn vị được ủy quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng tại Khoản 1 Điều 13 thực hiện chế độ báo cáo quý, 6 tháng, năm gửi UBND tỉnh;

đồng thời gửi cho các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương về kết quả thực hiện công tác thẩm định để tổng hợp, báo cáo.

Điều 25. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả và bảo đảm mục tiêu kế hoạch đã giao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp thì các Sở, ngành, cơ quan, địa phương kiến nghị với UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.



Trần Ngọc Căng